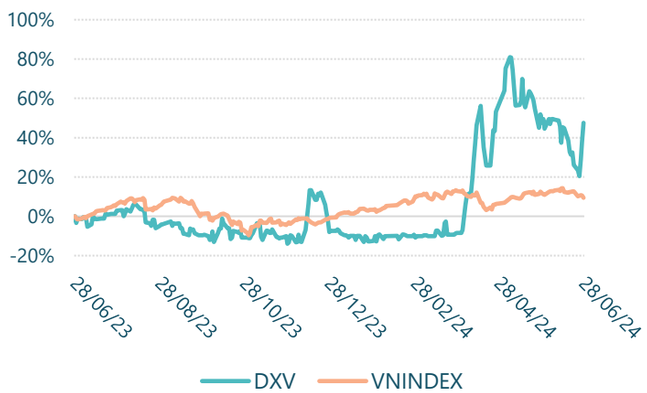
CTCP VICEM Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (HSX: DXV)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	6,120 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.3%	**61.1%**	**39.4%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,570 - 7,510
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	61
Số lượng CPLH (CP)	9,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,785
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.32
EPS	-832
P/E	-7.4

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

48.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.2 | 50.0%

YoY: ▼3.50 | -6.7%

Nợ/VCSH

Q2/24

21.7%

YoY: +/-▲ 0.7%

LN gộp

Q2/24

1.81

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.01 | -0.7%

YoY: ▼1.37 | -43.2%

ROE (TTM)

Q2/24

-7.9%

YoY: +/-▲ 0.0%

LN trước thuế

Q2/24

-1.53

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.87 | -131%

YoY: ▲ 0.15 | 9.1%

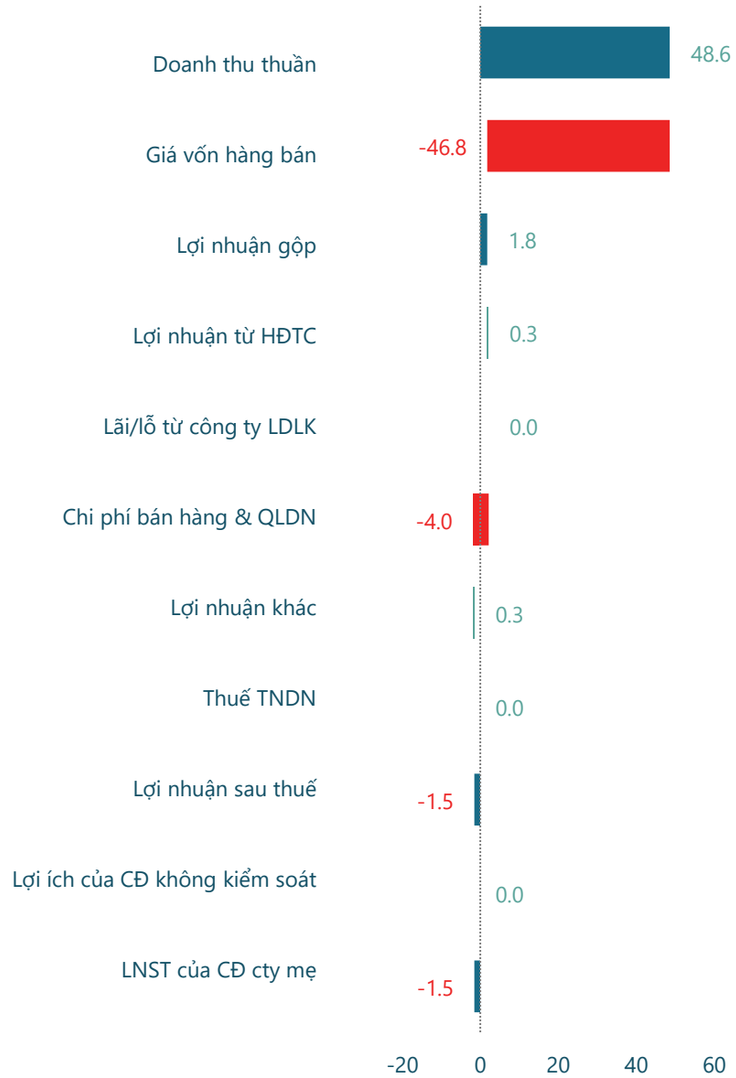
ROA (TTM)

Q2/24

-6.4%

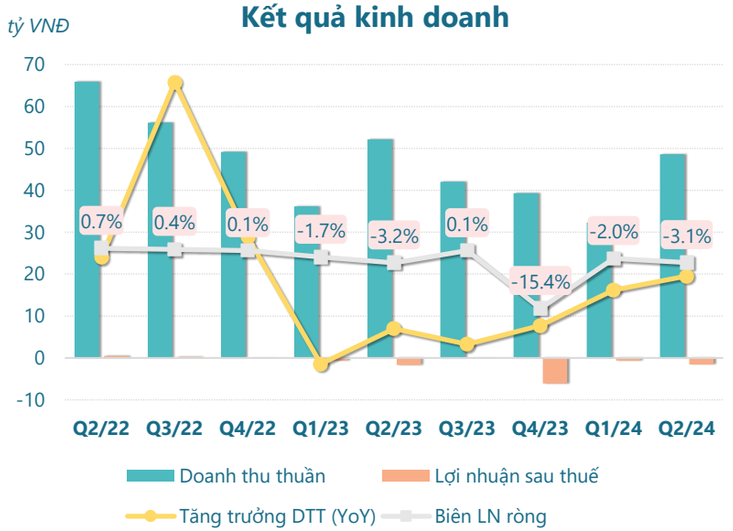
YoY: +/-▲ 0.0%

Kết quả kinh doanh Q2/24



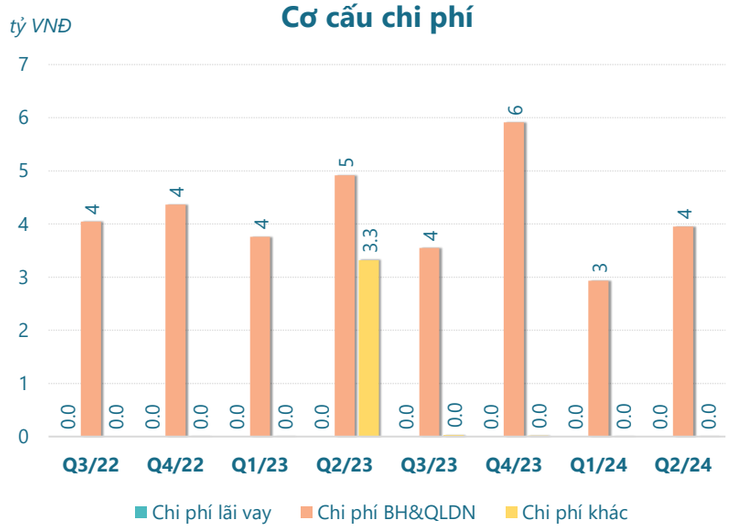
CTCP VICEM Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (HSX: DXV)

FireAnt



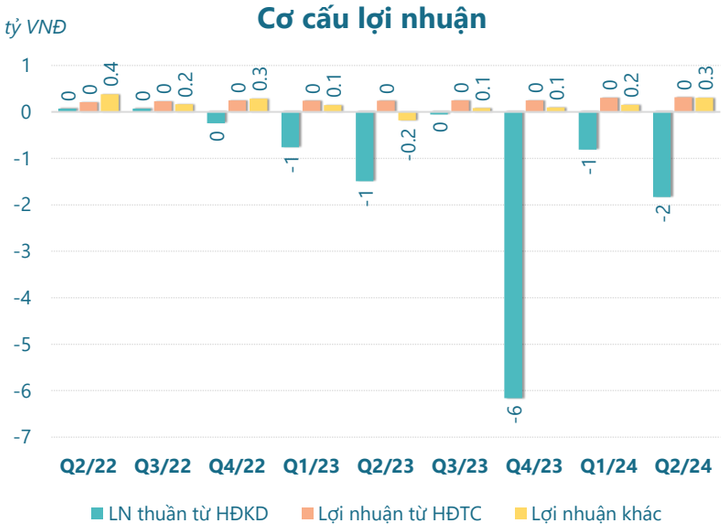
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** giảm đi 1.02 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.34 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.31 tỷ đồng**, tăng thêm 3.33% so với kỳ trước và cao hơn 29.2% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.31 tỷ đồng**, tăng thêm 107% so với kỳ trước và tăng thêm 0.49 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **DXV** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **48.59 tỷ đồng** giảm đi **6.81%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 1.53 tỷ đồng**, **tăng thêm 0.15 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **81.00 tỷ đồng** thấp hơn 7.95% so với cùng kỳ năm trước, **Lũy kế 6 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **81.00 tỷ đồng** thấp hơn 7.95% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ -2.00 tỷ đồng** bằng so với



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **3.95 tỷ đồng** tăng thêm 34.8% so với kỳ trước và thấp hơn 19.6% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP VICEM Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (HSX: DXV)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**48.6**	**32.4**	**50.0%**	**52.1**	**-6.7%**	**81.0**	**88.3**	**-8.3%**
Giá vốn hàng bán	46.8	30.5	53.4%	49.0	-4.5%	77.3	82.4	-6.1%
Lợi nhuận gộp	1.81	1.82	-0.7%	3.18	-43.2%	3.63	5.94	-39.0%
Doanh thu HĐTC	0.31	0.30	4.9%	0.24	31.1%	0.62	0.48	28.9%
Chi phí TC	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.95	1.34	45.7%	1.89	3.3%	3.29	3.95	-16.7%
Chi phí QLDN	**2.00**	**1.59**	**25.9%**	**3.03**	**-34.0%**	**3.60**	**4.72**	**-23.9%**
LN thuần từ HĐKD	-1.83	-0.81	-126%	-1.49	-22.9%	-2.64	-2.25	-17.3%
Lợi nhuận khác	**0.31**	**0.15**	**103%**	**-0.18**	**270%**	**0.46**	**-0.04**	**1304%**
LN trước thuế	-1.53	-0.66	-131%	-1.68	9.1%	-2.19	-2.29	4.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.53**	**-0.66**	**-131%**	**-1.68**	**9.1%**	**-2.19**	**-2.29**	**4.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.53**	**-0.66**	**-131%**	**-1.68**	**9.1%**	**-2.19**	**-2.29**	**4.6%**

